

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Số: 5926 /CV-K.KDTT
V/v: đề nghị công bố giá sản phẩm
Hàng hóa định kỳ tại Sở Xây dựng TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 16 tháng 11 năm 2021

SỞ XÂY DỰNG TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Ngày: 7-11-2021

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi : SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thực hiện Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng (VLXD) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay là Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố);

Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI) đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng hóa dây cáp điện (CADIVI) định kỳ tại Sở Xây dựng, kèm theo các tài liệu như sau:

1. Bảng niêm yết giá sản phẩm, hàng hóa của đơn vị (bản chính) theo quy định tại Điều 6, Điều 12 Luật Giá số 11/2012/QH13 (đính kèm).

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng của đơn vị đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu đề nghị công bố theo quy định tại Điều 23 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Nhãn hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ.

5. Tài liệu thể hiện việc duy trì kiểm soát chất lượng, thử nghiệm và giám sát định kỳ nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do đơn vị sản xuất, kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng theo quy định tại Điều 10, Điều 28, Điều 38 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Ví dụ: Phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ định hoặc công nhận).

6. Đối với VLXD thuộc danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (VLXD nhóm 2), còn phải có các tài liệu sau theo quy định tại Điều 28, Điều 34, Điều 38 – Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (hiện nay là QCVN 16:2019/BXD được ban hành kèm theo Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng):

- Chứng nhận hợp quy của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ định.
- Bản công bố hợp quy của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu.

- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành nơi đơn vị sản xuất, nhập khẩu đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Dấu hợp quy được sử dụng trực tiếp trên sản phẩm hoặc trên bao gói hoặc trên nhãn gắn trên sản phẩm hoặc trong chứng chỉ chất lượng, tài liệu kỹ thuật của sản phẩm theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

7. Danh sách các đại lý phân phối sản phẩm, hàng hóa có đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư (được đăng trên Website Cadivi.vn.com).

8. Thông tin khác:

- Địa điểm đặt trụ sở chính của doanh nghiệp đề nghị công bố giá: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM.

- Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI) sản phẩm vật liệu đề nghị công bố giá: sản phẩm, hàng hóa dây cáp điện (CADIVI)

- Thông tin lãnh đạo công ty :

o Ông Tổng giám đốc : **LÊ QUANG ĐỊNH** –ĐT: 028. 38292971

o Người công bố giá: **Nguyễn Nam Hải** – Khối Kinh Doanh Tiếp Thị, email: hainn@cadivi.vn, ĐT : 0913 854 809.

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01 / 10/2021 đến khi có thông báo mới

Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI) cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điều 12 Luật Giá số 11/2012/QH13.

Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ *Chữ*
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ QUANG ĐỊNH

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Kèm theo công văn số 5926 ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam)

1. Bảng giá niêm yết : (giá chưa bao gồm VAT)

Stt	Loại Vật Liệu	ĐVT	Quy Chuẩn, Kỹ Thuật, Tiêu chuẩn kỹ thuật	Giá theo khu vực/thành phố/quận/huyện (trước thuế VAT)			Nhà sản xuất, xuất xứ	Ghi chú
				Khu vực TP.HCM				
				Mức giá bán kỳ trước	Mức giá bán mới	Tỷ lệ tăng /giảm (%)		
	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)							
1	CVV-1 (1x7/0.425) – 0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	4,950	6,990	41%	Công ty Cổ Phần dây cáp Điện Việt Nam - Cadivi	
2	CVV-1.5 (1x7/0.52) – 0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	6,390	9,010	41%		
3	CVV-6.0 (1x7/1.04) – 0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	18,800	26,550	41%		
4	CVV-25 – 0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	67,580	95,400	41%		
5	CVV-50– 0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	125,160	176,740	41%		
6	CVV-95 – 0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	244,480	345,150	41%		
7	CVV-150 – 0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	378,250	533,930	41%		
	Cáp điện lực hạ thế – 300/500 V- (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)							
8	CVV-2x1.5 (2x7/0.52)– 300/500 V	mét	TCVN 6610-4	14,180	20,040	41%	Công ty Cổ Phần dây cáp Điện Việt Nam - Cadivi	
9	CVV-2x4 (2x7/0.85)– 300/500 V	mét	TCVN 6610-4	30,180	42,530	41%		
10	CVV-2x10 (2x7/1.35)– 300/500 V	mét	TCVN 6610-4	67,150	94,840	41%		
	Cáp điện lực hạ thế – 300/500 V- (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)			-				
11	CVV-3x1.5 (3x7/0.52) – 300/500 V	mét	TCVN 6610-4	18,730	26,440	41%	Công ty Cổ Phần Dây	

Stt	Loại Vật Liệu	ĐVT	Quy Chuẩn, Kỹ Thuật, Tiêu chuẩn kỹ thuật	Giá theo khu vực/thành phố/quận/huyện (trước thuế VAT)			Nhà sản xuất, xuất xứ	Ghi chú
				Khu vực TP.HCM				
				Mức giá bán kỳ trước	Mức giá bán mới	Tỷ lệ tăng /giảm (%)		
26	CVV-4x50 – 0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	511,700	722,480	41%	Cáp Điện Việt Nam - Cadivi	
27	CVV-4x120 – 0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	1,294,660	1,827,790	41%		
28	CVV-4x185 – 0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	1,924,080	2,716,430	41%		
	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV- (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)			-				
29	CVV-3x16+1x10 -0,6/1kV	mét	TCVN 5935-1	173,930	245,590	41%	Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Nam - Cadivi	
30	CVV-3x25+1x16 -0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	256,170	361,690	41%		
31	CVV-3x50+1x25 -0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	455,390	642,940	41%		
32	CVV-3x95+1x50 -0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	878,480	1,240,200	41%		
33	CVV-3x120+1x70 -0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	1,158,660	1,635,750	41%		
	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (1 lõi ruột đồng, cách điện PVC, giáp băng nhôm bảo vệ, vỏ PVC)			-				
34	CVV/DATA-25-0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	92,650	130,840	41%	Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Nam - Cadivi	
35	CVV/DATA-50-0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	155,230	219,260	41%		
36	CVV/DATA-95-0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	277,840	392,180	41%		
37	CVV/DATA-240-0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	664,910	938,810	41%		
	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ- 0,6/1 kV- (2 lõi ruột đồng, cách điện PVC, giáp băng nhôm bảo vệ, vỏ PVC)			-				

Stt	Loại Vật Liệu	ĐVT	Quy Chuẩn, Kỹ Thuật, Tiêu chuẩn kỹ thuật	Giá theo khu vực/thành phố/quận/huyện (trước thuế VAT)			Nhà sản xuất, xuất xứ	Ghi chú
				Khu vực TP.HCM				
				Mức giá bán kỳ trước	Mức giá bán mới	Tỷ lệ tăng /giảm (%)		
49	CVV/DSTA -3x240+1x120 -0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	2,404,120	3,394,130	41%		
	Dây đồng trần xoắn (TCVN)			-				
50	C-10	kg	TCVN - 5064	274,660	387,300	41%	Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Nam - Cadivi	
51	C-50	kg	TCVN - 5064	277,310	391,000	41%		
	Cáp điện kể – 0,6/1 kV- (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)			-				
52	DK-CVV-2x4 -0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	40,480	57,260	41%	Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Nam - Cadivi	
53	DK-CVV-2x10 -0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	81,490	115,090	41%		
54	DK-CVV-2x35 -0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	219,300	309,710	41%		
	Cáp điều khiển - 0,6/1 kV- (2->37 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)			-				
55	DVV-2x1.5 (2x7/0.52) -0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	14,990	21,160	41%	Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Nam - Cadivi	
56	DVV-10x2.5 (10x7/0.67) -0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	81,070	114,410	41%		
57	DVV-19x4 (19x7/0.85) -0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	232,050	327,600	41%		
58	DVV-37x2.5 (37x7/0.67) -0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	285,070	402,530	41%		
	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1 kV- (2@37 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)			-				
59	DVV/Sc-3x1.5 (3x7/0.52) -0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	28,370	40,050	41%	Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Nam -	
60	DVV/Sc-8x2.5 (8x7/0.67) -0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1	79,480	112,280	41%		

Stt	Loại Vật Liệu	ĐVT	Quy Chuẩn, Kỹ Thuật, Tiêu chuẩn kỹ thuật	Giá theo khu vực/thành phố/quận/huyện (trước thuế VAT)			Nhà sản xuất, xuất xứ	Ghi chú
				Khu vực TP.HCM				
				Mức giá bán kỳ trước	Mức giá bán mới	Tỷ lệ tăng /giảm (%)		
72	CV/FR-1x25 -0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC 60332-3 CAT C	68,300	102,490	50%	Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Nam - Cadivi	
73	CV/FR-1x240 -0,6/1 kV	mét	TCVN 5935-1/IEC 60331-21, IEC 60332-3 CAT C	593,600	890,330	50%		
Ống luồn dây điện :								
74	Ống luồn tròn F16 dài 2,9 m	ống	BSEN 61386-21; BS4607; TCVN 7417-21	18,600	22,870	23%	Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Nam - Cadivi	
75	Ống luồn cứng F16-1250N-CA16H	ống	BSEN 61386-21; BS4607; TCVN 7417-21	23,700	26,540	12%		
76	Ống luồn đàn hồi CAF-16	cuộn	BSEN 61386-22; BS4607; TCVN 7417-22	183,500	213,790	17%		
77	Ống luồn đàn hồi CAF-20	cuộn	BSEN 61386-22; BS4607; TCVN 7417-22	208,100	296,910	43%		
Dây đồng đơn cứng bọc PVC – 300/500 V								
78	VC-0,50 (F 0,80)- 300/500 V	mét	TCVN 6610-3	1,830	2,450	34%	Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Nam - Cadivi	
79	VC-1,00 (F1,13)- 300/500 V	mét	TCVN 6610-3	3,050	4,070	33%		
Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1 kV (ruột đồng)				-				
80	VCmd-2x0.5-(2x16/0.2)-0,6/1 kV	mét	TC AS/NZS 5000.1	3,500	4,660	33%	Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Nam - Cadivi	
81	VCmd-2x0.75-(2x24/0.2)-0,6/1 kV	mét	TC AS/NZS 5000.1	4,930	6,570	33%		
82	VCmd-2x1-(2x32/0.2)-0,6/1 kV	mét	TC AS/NZS 5000.1	6,310	8,430	34%		
83	VCmd-2x1,5-(2x30/0.25)-0,6/1 kV	mét	TC AS/NZS 5000.1	9,000	12,000	33%		
84	VCmd-2x2,5-(2x50/0.25)-0,6/1 kV	mét	TC AS/NZS 5000.1	14,590	19,460	33%		

Stt	Loại Vật Liệu	ĐVT	Quy Chuẩn, Kỹ Thuật, Tiêu chuẩn kỹ thuật	Giá theo khu vực/thành phố/quận/huyện (trước thuế VAT)			Nhà sản xuất, xuất xứ	Ghi chú
				Khu vực TP.HCM				
				Mức giá bán kỳ trước	Mức giá bán mới	Tỷ lệ tăng /giảm (%)		
	Cáp năng lượng mặt trời			-				
96	H1Z2Z2-K-4-1,5kV DC	mét	BS EN 50618	20,900	22,700	9%	Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Nam - Cadivi	
97	H1Z2Z2-K-6-1,5kV DC	mét		29,800	32,400	9%		
98	H1Z2Z2-K-300-1,5kV DC	mét		1,147,200	1,246,000	9%		

2. Lý do tăng giá : Do tình hình nguyên vật liệu - Đồng thế giới tăng cao

3. Giá báo : là giá đã bao gồm phí vận chuyển..

Chi phí bốc xếp : Công ty Cadivi chịu chi phí bốc dỡ hàng hóa lên phương tiện vận chuyển để giao hàng cho khách hàng.

Khách hàng chịu chi phí bốc dỡ Hàng Hóa xuống từ phương tiện vận chuyển khi hàng hóa đã được vận chuyển đến địa điểm giao hàng

4. Mức giá đăng ký thực hiện từ 01/10/2021 đến khi có thông báo giá mới.

Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI) cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điều 12 Luật Giá số 11/2012/QH13.

Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI) xin chịu trách nhiệm về trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết.

Thông tin liên hệ : A Hải 0913.854.809 Khối Kinh Doanh Tiếp Thị

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận: Như trên

Lưu K.KDĐT

TỔNG GIÁM ĐỐC *Chu*



LÊ QUANG ĐỊNH